BÁO CÁO CÔNG BỐ THÔNG TIN TỶ LỆ AN TOÀN VỐN
31 THÁNG 12 NĂM 2024

I. THÔNG TIN CHUNG

- Tên giao dịch: Ngân hàng TMCP Việt Á (VAB)
- Vốn điều lệ: 5.399,6 tỷ đồng
- Địa chỉ: Tầng 4 và 5, tòa nhà Samsora Premier, số 105 Chu Văn An, Phường Quang Trung, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội
- Số điện thoại: (84-024) - 39 333 636.
- Số Fax: (84-024) - 39 336 428.
- Website: www.vietabank.com.vn

II. CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ TỶ LỆ AN TOÀN VỐN

1. Phạm vi tính tỷ lệ an toàn vốn.

Theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN), ngân hàng có công ty con phải duy trì tuân thủ yêu cầu về việc tính toán tỷ lệ an toàn vốn riêng lẻ và hợp nhất. Tại thời điểm 31/12/2024, VAB có 01 (một) công ty con là Công ty TNHH MTV Quản lý nợ & Khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Việt Á (AMC - VAB) và không có công ty con thuộc loại hình doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm.

2. Cơ cấu vốn tự có.

Thành phần chính vốn tự có của VAB bao gồm:

Vốn cấp 1:

- Vốn điều lệ;
- Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ;
- Quỹ dự phòng tài chính;
- Lợi nhuận chưa phân phối….

Vốn cấp 2:

- Các quỹ được trích từ lợi nhuận sau thuế;
- 80% dự phòng chung theo quy định NHNN;
- Các khoản nợ thứ cấp…

Bảng 1 – Báo cáo Vốn tự có

Đơn vị tính: Triệu VNĐ

Khoản mục	31/12/2024	
	Riêng lẻ	Hợp nhất
Vốn Cấp 1	8.797.257	8.856.664
Vốn Cấp 2	1.476.153	1.476.153
Các khoản mục giảm trừ khi tính Vốn tự có	57.272	54.600
VỐN TỰ CÓ	**10.216.138**	**10.278.217**

3. Tỷ lệ an toàn vốn.

a. Quy trình tính tỷ lệ an toàn vốn.

VAB đã xây dựng Quy trình tính toán tỷ lệ an toàn vốn (CAR) tuân thủ theo quy định tại Thông tư 41/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016. Bên cạnh đó, VAB đã ban hành Quy định về quản lý tỷ lệ an toàn vốn, trong đó quy định chi tiết trách nhiệm và quyền hạn của các bên liên quan trong việc nhập liệu, tính toán, rà soát và báo cáo về tỷ lệ an toàn vốn, cũng như xây dựng phương án đảm bảo tỷ lệ an toàn vốn.

b. Kế hoạch vốn.

Nhằm đảm bảo hệ số CAR tuân thủ theo quy định của NHNN, VAB chủ động quản lý tỷ lệ an toàn vốn và triển khai các biện pháp kiểm soát quy mô tài sản có rủi ro, xây dựng các giải pháp tăng vốn phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh và chiến lược phát triển từng giai đoạn.

Bảng 2 - Báo cáo Tỷ lệ an toàn vốn

Đơn vị tính: Triệu VND, %

Khoản mục	31/12/2024	
	Riêng lẻ	Hợp nhất
1. Tài sản tính theo rủi ro tín dụng	106.060.680	105.834.574
1.1. Rủi ro tín dụng	106.050.580	105.824.475
1.2 Rủi ro tín dụng đối tác	10.100	10.100
2. Vốn yêu cầu cho rủi ro hoạt động	348.001	361.388
3. Vốn yêu cầu cho rủi ro thị trường	1.277	1.277
4.Tỷ lệ an toàn vốn cấp 1	**7,97%**	**8,02%**
5.Tỷ lệ an toàn vốn	**9,25%**	**9,31%**

4. Rủi ro tín dụng.

Rủi ro tín dụng (RRTD) là một trong những rủi ro trọng yếu của ngân hàng, chiếm tỷ trọng cao nhất trong tổng tài sản có rủi ro của VAB. Nhằm quản lý và giảm thiểu RRTD, VAB luôn chú trọng công tác rà soát để kịp thời sửa đổi, bổ sung và xây dựng mới khung chính sách quản lý RRTD, đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật, kiểm soát, ngăn ngừa hạn chế rủi ro trong từng nghiệp vụ của hoạt động cấp tín dụng và tuân thủ tỷ lệ an toàn vốn theo quy định của NHNN.

Chính sách quản lý rủi ro tín dụng

Trong năm 2024, rất nhiều văn bản quy định của pháp luật, NHNN liên quan đến hoạt động tín dụng có hiệu lực như Luật các Tổ chức tín dụng, Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản cùng nhiều Nghị định, Thông tư, văn bản hướng dẫn dưới Luật cũng đồng thời được ban hành. Vì vậy, VAB đã tập trung nguồn lực để rà soát và kịp thời sửa đổi, bổ sung, xây

dựng các quy định nội bộ nhằm đảm bảo tuân thủ và kịp thời hạn hiệu lực của các quy định pháp luật nêu trên.

VAB luôn chú trọng công tác truyền thông các quy định mới đến các Đơn vị kinh doanh trên toàn hệ thống, đảm bảo các cá nhân, Đơn vị cập nhật kịp thời các quy định mới và vận dụng vào quy trình tác nghiệp. Đồng thời, nhằm hạn chế các rủi ro phát sinh liên quan hoạt động cấp tín dụng, VAB đã xây dựng tài liệu và tổ chức triển khai các khóa đào tạo về kiểm soát RRTD cho toàn thể cán bộ tín dụng trên toàn hệ thống.

Thực hiện quản lý rủi ro tín dụng

Trong năm 2024, VAB tiếp tục thực hiện chiến lược quản lý RRTD theo hướng thận trọng, tuân thủ theo giới hạn các chỉ tiêu khẩu vị RRTD của VAB và quy định của NHNN cũng như quy định của pháp luật. Triển khai thực hiện tốt công tác quản lý nợ, phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro, nhận diện, theo dõi, đánh giá và kịp thời báo cáo, đề xuất các biện pháp xử lý nhằm hạn chế rủi ro đối với các loại giao dịch, sản phẩm, dịch vụ tín dụng.

VAB thực hiện quản lý RRTD gồm các bước như sau:

a. Nhận dạng: nhận dạng đầy đủ RRTD, nguy cơ gây ra rủi ro và xác định nguyên nhân gây ra rủi ro.

b. Đo lường: đo lường kịp thời và chính xác mức độ rủi ro bằng các phương pháp, mô hình (bao gồm cả hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ) trên cơ sở xác định tác động ngắn hạn, dài hạn của rủi ro đối với thu nhập, tỷ lệ an toàn và khả năng đạt được mục tiêu kinh doanh của VAB.

c. Theo dõi: thường xuyên theo dõi trạng thái rủi ro và đánh giá kịp thời, cảnh báo sớm khả năng vi phạm các hạn mức rủi ro, hạn chế để đảm bảo an toàn hoạt động tín dụng.

d. Kiểm soát: kiểm soát trạng thái RRTD thực tế để tuân thủ giới hạn cấp tín dụng, hạn mức RRTD theo quy định của pháp luật, của NHNN và của VAB. Có các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu và xử lý kịp thời các rủi ro để đảm bảo tuân thủ các hạn mức rủi ro, các hạn chế nhằm đảm bảo an toàn trong hoạt động tín dụng và có cơ chế giám sát, kiểm tra việc thực hiện các biện pháp này.

e. Báo cáo: thực hiện báo cáo thông tin kịp thời, đầy đủ về trạng thái RRTD, về hiệu quả các biện pháp kiểm soát RRTD cho cấp có thẩm quyền và các bên có liên quan theo quy định của VAB để có quyết định phù hợp, hạn chế RRTD và nâng cao hiệu quả công tác quản lý RRTD tại VAB.

Bảng 3 – Báo cáo tài sản tính theo rủi ro RWA theo kết quả Xếp hạng tín nhiệm

Đơn vị tính: Triệu VNĐ

Kỳ hạn gốc	Kết quả xếp hạng	Trọng số rủi ro	31/12/2024	
			Vốn yêu cầu riêng lẻ	Vốn yêu cầu hợp nhất
TCTD trong nước: Các khoản phải đòi có kỳ hạn ban đầu từ 03 tháng trở lên	AAA đến AA-	20%	0	-
	A+ đến BBB-	50%	0	-
	BB+ đến BB-	80%	140.800	140.800
	B+ đến B-	100%	848.000	848.000
	Dưới B- và không có xếp hạng	150%	144.000	144.000
TCTD trong nước: Các khoản phải đòi có kỳ hạn ban đầu dưới 03 tháng	AAA đến AA-	10%	-	-
	A+ đến BBB-	20%	1	1
	BB+ đến BB-	40%	2.632	2.632
	B+ đến B-	50%	275.037	275.037
	Dưới B- và không có xếp hạng	70%	301.948	301.948
Chính phủ, NHTW các nước	AAA đến AA-	0%	-	-
	A+ đến BBB-	20%	-	-
	BB+ đến BB-	50%	-	-
	B+ đến B-	100%	-	-
	Dưới B- và không có xếp hạng	150%	-	-
Tổ chức tài chính nước ngoài (bao gồm cả tổ chức tín dụng nước ngoài)	Dưới B- và không có xếp hạng	20%	33	33
	A+ đến BBB-	50%	136	136
	BB+ đến BB-	100%	-	-
	Dưới B- và không có xếp hạng	150%	3.771	3.771

Bảng 4 – Báo cáo tài sản tính theo rủi ro tín dụng

Đơn vị tính: Triệu VNĐ

Tài sản là khoản phải đòi	31/12/2024	
	Vốn yêu cầu riêng lẻ	Vốn yêu cầu hợp nhất
Tiền mặt, vàng và các khoản tương đương tiền mặt	-	-
Khoản phải đòi chính phủ	-	-
Chính phủ Việt Nam	-	-
VAMC/DATC	-	-
Chính phủ Nước Ngoài	-	-
Khoản phải đòi định chế tài chính	**14.784.468**	**14.784.468**

Tài sản là khoản phải đòi	31/12/2024	
	Vốn yêu cầu riêng lẻ	Vốn yêu cầu hợp nhất
Tổ chức tài chính quốc tế	-	-
Tổ chức tài chính nước ngoài	49.245	49.245
Tổ chức tài chính trong nước	14.735.224	14.735.224
Khoản phải đòi doanh nghiệp	**59.551.960**	**59.551.960**
Doanh nghiệp thông thường	46.761.219	46.761.219
Doanh nghiệp vừa và nhỏ	12.790.740	12.790.740
Khoản phải đòi bán lẻ	**363.505**	**363.505**
Khoản phải đòi thế chấp BĐS	**23.224.690**	**23.224.690**
BĐS kinh doanh	23.117.425	23.117.425
BĐS không kinh doanh	67.020	67.020
Thế chấp nhà	40.245	40.245
Các khoản phải đòi khác theo TT41	**4.597.310**	**3.851.318**
Kinh doanh chứng khoán	1.233.507	487.515
Cho vay chuyên biệt	1.563.803	1.563.803
Kinh doanh BĐS	1.800.000	1.800.000
Mua bán khoản phải thu	-	-
Mua bán nợ xấu	-	-
Cho thuê tài chính	-	-
Nợ xấu	**1.238.798**	**1.238.757**
Tài sản khác	**2.289.850**	**2.809.778**
Tổng	**106.050.580**	**105.824.475**

Bảng 5 – Tài sản tính theo rủi ro tín dụng đối tác

Đơn vị tính: triệu VNĐ

Khoản mục	Thời điểm 31/12/2024	
	Riêng lẻ	Hợp nhất
Giao dịch tự doanh		
Giao dịch repo và giao dịch reverse repo	0	0
Giao dịch sản phẩm phái sinh để phòng ngừa rủi ro	10.100	10.100
Giao dịch mua bán ngoại tệ. tài sản tài chính với mục đích phục vụ nhu cầu của khách hàng. đối tác quy định tại mục d khoản 32 Điều 2 Thông tư 41		
Tài sản tính theo rủi ro tín dụng đối tác	10.10	10.100

Bảng 6 – Báo cáo tài sản tính theo rủi ro RWA theo ngành nghề kinh doanh

Đơn vị tính: Triệu VNĐ

STT	Tên ngành nghề kinh doanh	31/12/2024	
		Vốn yêu cầu riêng lẻ	Vốn yêu cầu hợp nhất
1	Nông nghiệp, lâm nghiệp và thuỷ sản	2.407	2.407
2	Khai khoáng	2.384.572	2.384.572
3	Công nghiệp chế biến, chế tạo	2.599.766	2.600.774
4	Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí	1.808.464	1.808.464
5	Cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải.	1.087.500	1.087.500
6	Xây dựng	13.902.936	13.902.936
7	Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	5.773.424	5.773.424
8	Vận tải kho bãi	393.814	393.814
9	Dịch vụ lưu trú và ăn uống	102.642	102.642
10	Thông tin và truyền thông	711.605	711.605
11	Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	17.499.581	17.502.581
12	Hoạt động kinh doanh bất động sản	28.138.321	28.138.321
13	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ	3.724.571	3.724.571
14	Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ	4.107.290	4.107.290
15	Hoạt động của đảng Cộng sản, tổ chức chính trị – xã hội, quản lý nhà nước, an ninh quốc phòng; bảo đảm xã hội bắt buộc	-	-
16	Giáo dục và đào tạo	-	-
17	Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	1	1
18	Nghệ thuật, vui chơi và giải trí	875	875
19	Hoạt động dịch vụ khác	21.816.052	21.066.011
20	Hoạt động làm thuê các công việc trong các hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình	12.926	12.926
21	Hoạt động của các tổ chức và cơ quan quốc tế	-	-
Tổng cộng		**104.066.747**	**103.320.714**

Bảng 7a – Tài sản có tính theo rủi ro tín dụng trước và sau giảm thiểu (Riêng lẻ)

Đơn vị tính: Triệu VNĐ

Khoản mục	Tài sản có rủi ro trước giảm thiểu	Biện pháp giảm thiểu (31/12/2024)				
		Tài sản đảm bảo	Bù trừ số dư nội bảng	Bảo lãnh của bên thứ ba	Sản phẩm phái sinh tín dụng	Tài sản có rủi ro sau giảm thiểu
Tiền mặt, vàng, các khoản tương đương	-	-	-	-	-	-
Khoản phải đòi chính phủ	-	-	-	-	-	-
Khoản phải đòi định chế tài chính	21.454.468	-	11.300.000	-	-	14.784.468
Khoản phải đòi doanh nghiệp	59.831.863	260.713	69	-	-	59.551.960
Khoản phải đòi bán lẻ	718.078	848.536	689.564	-	-	363.505
Khoản phải đòi đảm bảo bằng BĐS	23.225.569	1.172	-	-	-	23.224.690
Khoản cho vay chuyên biệt	4.972.310	268.160	-	-	-	4.597.310
Nợ xấu	1.238.798	-	-	-	-	1.238.798
Tài sản khác	2.665.956	556.146	220.234	-	-	2.289.850
Tổng cộng	**114.107.042**	**1.934.727**	**12.209.867**	**-**	**-**	**106.050.581**

Bảng 7b – Tài sản có tính theo rủi ro tín dụng trước và sau giảm thiểu (Hợp nhất)

Đơn vị tính: Triệu VNĐ

Khoản mục/ Items	Tài sản có rủi ro trước giảm thiểu	Biện pháp giảm thiểu (31/12/2024)				
		Tài sản đảm bảo	Bù trừ số dư nội bảng	Bảo lãnh của bên thứ ba	Sản phẩm phái sinh tín dụng	Tài sản có rủi ro sau giảm thiểu
Tiền mặt, vàng, các khoản tương đương	-	-	-	-	-	-
Khoản phải đòi chính phủ	-	-	-	-	-	-
Khoản phải đòi định chế tài chính	21.454.468	-	11.300.000	-	-	14.784.468
Khoản phải đòi doanh nghiệp	59.831.863	260.713	69	-	-	59.551.960

Khoản mục/ Items	Tài sản có rủi ro trước giảm thiểu	Biện pháp giảm thiểu (31/12/2024)				
		Tài sản đảm bảo	Bù trừ số dư nội bảng	Bảo lãnh của bên thứ ba	Sản phẩm phái sinh tín dụng	Tài sản có rủi ro sau giảm thiểu
Khoản phải đòi bán lẻ	718.078	848.536	689.564	-	-	363.505
Khoản phải đòi đảm bảo bằng BĐS	23.225.569	1.172	-	-	-	23.224.690
Khoản cho vay chuyên biệt	4.226.318	268.160	-	-	-	3.851.318
Nợ xấu	1.238.757	-	-	-	-	1.238.757
Tài sản khác	3.185.885	556.146	220.234	-	-	2.809.778
Tổng cộng	**113.880.938**	**1.934.727**	**12.209.867**	**-**	**-**	**105.824.476**

5. Rủi ro hoạt động.

Rủi ro hoạt động (RRHĐ) luôn được đánh giá là một trong những rủi ro trọng yếu của ngân hàng. Nhằm quản lý và giảm thiểu RRHĐ, VAB đã ban hành các quy chế, chính sách về RRHĐ, trong đó đưa ra chiến lược, xác lập các nguyên tắc về quản lý rủi ro theo các chuẩn mực, thông lệ quốc tế đồng thời phù hợp với điều kiện thực tế của VAB; cung cấp các công cụ, đưa ra nguyên tắc sử dụng hoạt động thuê ngoài, mua bảo hiểm, ứng dụng công nghệ nhằm ngăn chặn, phòng tránh RRHĐ, giảm thiểu tổn thất xảy ra.

Chính sách quản lý rủi ro hoạt động

Cơ cấu tổ chức quản lý RRHĐ theo mô hình "Ba tuyến phòng thủ", dựa trên nguyên tắc đảm bảo sự phân tách chức năng kinh doanh với chức năng quản lý rủi ro và chức năng đánh giá độc lập. Trong đó:

- Tuyến phòng thủ thứ nhất là các Đơn vị kinh doanh, Khối kinh doanh trực tiếp có trách nhiệm chủ động nhận diện, đánh giá, có phương án giảm thiểu và quản lý rủi ro, xử lý và báo cáo rủi ro trong tất cả các hoạt động nghiệp vụ của mình. Trưởng Đơn vị là người chịu trách nhiệm đầu tiên và cao nhất trong việc kiểm soát RRHĐ tại Đơn vị.

- Tuyến phòng thủ thứ hai là Đơn vị quản lý rủi ro, giám sát tuân thủ, chịu trách nhiệm xây dựng Chính sách quản lý rủi ro, quy định nội bộ về quản lý rủi ro, các công cụ và hệ thống đo lường quản lý rủi ro, thiết kế triển khai các chương trình đánh giá RRHĐ phối hợp với tuyến phòng thủ thứ nhất trong việc thực hiện nhận dạng, kiểm soát, giảm thiểu rủi ro và thực hiện việc tuân thủ quy định pháp luật.

- Tuyến phòng thủ thứ ba là bộ phận Kiểm toán Nội bộ trực thuộc Ban Kiểm soát, chịu trách nhiệm đánh giá độc lập về hiệu quả triển khai công tác quản lý RRHĐ, đánh giá tính tuân thủ, tính thích hợp, mức độ đầy đủ và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ.

Thực hiện quản lý rủi ro hoạt động

Trong năm 2024, VAB đã tích cực triển khai công tác quản lý RRHĐ như:

- Ban hành bổ sung, chỉnh sửa các quy trình/quy định liên quan đến công tác quản lý RRHĐ như : sửa đổi, bổ sung hướng dẫn về việc nhận diện và xử lý giao dịch bất thường trên kênh ngân hàng số, ban hành hướng dẫn nhận diện dấu hiệu nghi ngờ gian lận đối với tài khoản thanh toán, ban hành hướng dẫn nhận diện các thẻ có dấu hiệu nghi ngờ gian lận, giả mạo, vi phạm pháp luật nhằm cụ thể hóa việc áp dụng và triển khai chính sách và chiến lược QLRR hoạt động của VAB; Tạo khuôn khổ cho công tác quản trị RRHĐ theo các chuẩn mực, thông lệ quốc tế, tuân thủ quy định của Ngân hàng Nhà nước, đồng thời phù hợp với điều kiện thực tế của ngân hàng.
- Thường xuyên/định kỳ thu thập dữ liệu phục vụ công tác phân tích, nhận diện rủi ro để kịp thời có biện pháp khắc phục/hạn chế tổn thất có thể xảy ra, đề xuất các biện pháp nhằm ngăn chặn, tránh lặp lại các sự cố tương tự trên toàn hệ thống.
- Thực hiện công tác giám sát thường xuyên Đơn vị kinh doanh trên toàn hệ thống đối với các nghiệp vụ trọng yếu, kịp thời phát hiện các sai phạm, đưa ra các kiến nghị xử lý cán bộ sai phạm có tính răn đe để nâng cao ý thức tuân thủ, hạn chế vi phạm, ngăn ngừa rủi ro cho hệ thống.
- Triển khai các khóa đào tạo về quản lý RRHĐ trên toàn hệ thống.

Tăng cường công tác truyền thông, nâng cao nhận thức và văn hóa quản lý rủi ro, đảm bảo mỗi cán bộ, nhân viên của VAB đều hiểu biết và có nhận thức rõ ràng về RRHĐ và quản lý RRHĐ.

- Hệ thống hóa chế độ thông tin và các báo cáo về quản lý RRHĐ. Tổng hợp, đánh giá, phân tích nguyên nhân, đưa ra các hành động và đề xuất thay đổi quy trình liên quan để giảm thiểu lỗi trên toàn hệ thống phù hợp với khẩu vị rủi ro mà Ủy ban Quản lý rủi ro và Hội đồng rủi ro phê duyệt.

Kế hoạch duy trì hoạt động kinh doanh liên tục.

- VAB luôn xem việc duy trì hoạt động kinh doanh liên tục là một trong những nhiệm vụ quan trọng trong việc quản lý RRHĐ, với mục tiêu đảm bảo khả năng ứng phó, đảm bảo các hoạt động nghiệp vụ của ngân hàng vẫn được duy trì trước các sự cố xảy ra đối với ngân hàng như các sự cố về dịch bệnh, thiên tai…
- VAB đã xây dựng quy định quản lý đảm bảo hoạt động kinh doanh liên tục, quy trình xử lý sự cố công nghệ thông tin khẩn cấp nhằm ứng phó với sự cố/tình huống gây gián đoạn hoạt động của ngân hàng đồng thời truyền thông, nhấn mạnh tới cán bộ nhân viên trên toàn hệ thống về quy trình báo cáo sự cố nhằm nâng cao nhận thức, tăng cường công tác phối hợp

xử lý sự cố giữa các Phòng/Ban trong trường hợp phát sinh sự cố. Ngoài ra, VAB đã xây dựng các kịch bản ứng phó cụ thể đối với các sự cố khủng hoảng nghiêm trọng có thể ảnh hưởng đến hoạt động của Ngân hàng: Thiết lập ma trận thông tin xử lý sự cố, lập kịch bản kế hoạch dự phòng về nhân sự, hệ thống công nghệ thông tin, địa điểm hoạt động để có kế hoạch duy trì hoạt động liên tục một cách hiệu quả.

Bảng 8 – Báo cáo vốn yêu cầu cho rủi ro hoạt động

Đơn vị tính: Triệu VNĐ

Cấu phần	Riêng lẻ				Hợp nhất			
	01/01/2024-30/9/2024	01/01/2023-31/12/2023	01/01/2022-31/12/2022	01/10/2021-31/12/2021	01/01/2024-30/9/2024	01/01/2023-31/12/2023	01/01/2022-31/12/2022	01/10/2021-31/12/2021
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	5.146.049	8.851.558	5.797.108	1.510.939	5.146.049	8.851.558	5.797.026	1.510.962
Chi phí lãi và các khoản chi phí tương tự	3.634.204	7.042.057	4.310.779	953.912	3.631.991	7.042.015	4.307.489	950.467
Cấu phần lãi (IC)	**1.511.845**	**1.809.501**	**1.486.329**	**557.027**	**1.514.058**	**1.809.544**	**1.489.537**	**560.495**
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	91.656	70.837	68.506	15.784	115.007	109.798	105.667	26.259
Chi phí từ hoạt động dịch vụ	26.033	33.141	32.744	6.820	26.183	33.212	32.868	6.856
Thu nhập hoạt động khác	68.628	161.422	328.083	138.295	122.292	208.032	364.793	149.680
Chi phí hoạt động khác	3.899	8.833	6.676	1.744	3.899	8.834	6.777	1.744
Cấu phần dịch vụ (SC)	**190.215**	**274.232**	**436.008**	**162.643**	**267.381**	**359.876**	**510.105**	**184.539**
Lãi/lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	11.675	6.212	9.724	9.303	11.675	6.212	9.724	9.303
Lãi/lỗ thuần từ hoạt động mua bán chứng khoán kinh doanh	-38	0	-182	9.994	-38	0	-182	9.994
Lãi/lỗ thuần từ hoạt động mua bán chứng khoán đầu tư	17.313	410.371	42.273	1.297	17.313	410.371	42.273	1.297
Cấu phần ngoại hối (FC)	**34.887**	**417.924**	**58.823**	**20.594**	**34.887**	**417.924**	**58.823**	**20.594**
Chi bảo hiểm và tái bảo hiểm tài sản của ngân hàng	0	0	0	0	0	0	0	0
Lãi/lỗ thuần do ngừng ghi nhận tài sản tài chính không được đánh giá theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	0	0	0	0	0	0	0	0

Cấu phần	Riêng lẻ				Hợp nhất			
	01/01/2024-30/9/2024	01/01/2023-31/12/2023	01/01/2022-31/12/2022	01/10/2021-31/12/2021	01/01/2024-30/9/2024	01/01/2023-31/12/2023	01/01/2022-31/12/2022	01/10/2021-31/12/2021
Lãi/lỗ thuần do ngừng ghi nhận tài sản phi tài chính, nợ phải trả không được đánh giá theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	0	0	0	0	0	0	0	0
Giá trị âm của lợi thế thương mại đã được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	0	0	0	0	0	0	0	0
Khoản mục bị loại trừ	0	0	0	0	0	0	0	0
Chỉ số kinh doanh (BI)	**1.736.947**	**2.501.657**	**1.981.160**	**740.264**	**1.816.326**	**2.587.343**	**2.058.465**	**765.628**
Vốn yêu cầu cho rủi ro hoạt động	**348.001**				**361.388**			

6. Rủi ro thị trường.

Mặc dù, tỷ trọng tài sản có rủi ro thị trường (RRTT) trong tổng tài sản có rủi ro của Ngân hàng khá nhỏ nhưng VAB luôn chú trọng xây dựng, hoàn thiện các chính sách, công cụ theo dõi, kiểm soát, đo lường rủi ro thị trường phù hợp với các nghiệp vụ kinh doanh, đảm bảo an toàn hoạt động cho Ngân hàng và tuân thủ các quy định của NHNN và các chuẩn mực về quản lý rủi ro.

Chính sách quản lý rủi ro thị trường

- VAB xây dựng chính sách dựa trên các nguyên tắc quản lý RRTT, chức năng – nhiệm vụ giám sát của quản lý cấp cao và của ba tuyến bảo vệ, nguyên tắc về công tác quản lý RRTT nhằm giới hạn tổn thất liên quan ở mức hợp lý theo khả năng chịu đựng rủi ro của VAB.
- VAB đã ban hành hướng dẫn phân định về sổ kinh doanh – sổ ngân hàng cho từng loại tài sản, nguyên tắc quản lý thống nhất, phù hợp với quy định của NHNN. Đồng thời, quy định trạng thái RRTT của sổ kinh doanh phải thực hiện phòng ngừa RRTT đối với các giao dịch tự doanh phù hợp với định hướng hoạt động từng thời kỳ và diễn biến thị trường để phòng ngừa rủi ro khi có những biến động bất lợi về lãi suất, tỷ giá.
- Thực hiện theo dõi việc tuân thủ các hạn mức RRTT hàng ngày để đánh giá và thực hiện điều chỉnh (nếu có) các hạn mức phù hợp với diễn biến thị trường, khả năng chịu rủi ro và định hướng kinh doanh của Ngân hàng từng thời kỳ. Kết quả theo dõi rủi ro được báo cáo đầy đủ, kịp thời và chính xác tới các cấp có thẩm quyền và gửi đến cá nhân, bộ phận có liên quan.

Thực hiện quản lý rủi ro thị trường

- VAB sử dụng hệ thống công cụ quản lý rủi ro thị trường như: Trạng thái rủi ro, lãi/lỗ thực tế và dự kiến, độ nhạy, giá trị chịu rủi ro (VaR), kiểm tra sức chịu đựng, vốn yêu cầu cho RRTT. Các phương pháp, công cụ đo lường được xây dựng và triển khai đầy đủ, phù hợp với quy định của NHNN.
- Tại thời điểm 31/12/2024, VAB không có vốn yêu cầu cho rủi ro giá cổ phiếu, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro quyền chọn do danh mục sổ kinh doanh của Ngân hàng không bao gồm các hoạt động kinh doanh có phát sinh các rủi ro này. Hiện tại, danh mục sổ kinh doanh của VAB có phát sinh rủi ro lãi suất và rủi ro ngoại hối (bao gồm vàng), tuy nhiên rủi ro ngoại hối bằng 0 (không) do tổng giá trị trạng thái ngoại hối ròng (bao gồm vàng) của VAB nhỏ hơn 02% vốn tự có.

Bảng 9: Báo cáo vốn yêu cầu cho rủi ro thị trường riêng lẻ/hợp nhất

Đơn vị tính: Triệu VNĐ

Khoản mục	Vốn cho rủi ro chung	Vốn cho rủi ro cụ thể	Tổng
Vốn yêu cầu cho rủi ro thị trường	1.277	-	1.277
Rủi ro lãi suất	1.277	-	1.277
Rủi ro giá cổ phiếu	-	-	-
Rủi ro giá hàng hóa	-	-	-
Rủi ro ngoại hối	-	-	-

Trân trọng báo cáo./.

TỔNG GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 0302963695 - C.T.C.P
NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT Á
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Nguyễn Văn Trọng